

Bản án số: 147/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2017

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TRẦN VĂN HẢI**

2. Bà **LÊ THỊ KIỀU DUNG**

-Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **HUỲNH THỊ CẨM** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 399/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **TRẦN THỊ THANH N**, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.Bị đơn: Anh **VÕ VĂN S**, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 06/6/2017 và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh N trình bày:

Do mai mối nên chị và anh S kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh S có tính gia trưởng, không quan tâm gia đình và anh chị chính thức ly thân từ tháng 5/2017 đến nay. Nay chị N cương quyết xin ly hôn anh S.

Con chung có hai cháu tên Võ Kim Q, sinh ngày 30/3/2000, Võ Phú T, sinh ngày 02/10/2002, hiện đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi hai cháu, cũng đồng ý việc anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 300.000đ/tháng/cháu đến khi các cháu trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung đều không tranh chấp nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo tờ tự khai ngày 03/7/2017 và lời khai tại Toà, bị đơn anh Võ Văn S trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên anh không đồng ý ly hôn với chị N. Nếu Toà án căn cứ quy định pháp luật cho vợ chồng anh ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Nếu con chung giao cho chị N nuôi thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 300.000đ/tháng/cháu đến khi trưởng thành. Tài sản chung và nợ chung không tranh chấp nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đề nghị cho chị N được ly hôn anh S, hai con chung giao cho chị N nuôi, ghi nhận việc anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 300.000đ/tháng/cháu đến khi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh S xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Theo chị N trình bày thì vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn sau khi cưới thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị có quá nhiều điểm bất đồng thường tranh cãi gây mất tình cảm. Ngoài ra, anh S còn có tính gia trưởng, hay cờ bạc, không quan tâm vợ con nên anh chị đã chính thức ly thân từ tháng 5/2017 đến nay và nay chị vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn anh S. Về phía anh S thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ cãi vã lặt vặt nên anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy, cho chị N được ly hôn anh S là có cơ sở. Bởi lẽ, vào thời điểm năm 1999 anh chị đã xác lập quan hệ vợ chồng mà chỉ sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay mà không có biện pháp nào khắc phục để hàn gắn xây dựng tổ ấm, cũng như anh S mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được phương án nào thuyết phục chị N để vợ chồng sum họp, sắp xếp lại cuộc sống gia đình hiện tại lo cho con cái do đó cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[2] *Về con chung*: Có hai cháu tên Võ Kim Q, sinh ngày 30/3/2000, Võ Phú T, sinh ngày 02/10/2002, hiện đang sống với chị N. Xét thấy, tiếp tục giao hai con chung cho chị N nuôi là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trước giờ cháu Q và cháu T đã sống ổn định với chị N do đó để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập, sinh hoạt của hai cháu và bản thân hai cháu cũng có mong muốn được sống với mẹ.

Đồng thời, căn cứ vào văn bản ý kiến xác nhận của đại diện địa phương cho rằng chị N nuôi con chung sẽ thuận lợi hơn. Cho nên, tiếp tục giữ nguyên hiện trạng việc nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về cấp dưỡng*: Tại phiên toà, anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 300.000đ/tháng/cháu (tức là 600.000đ/tháng/02 cháu) đến khi trưởng thành tròn 18 tuổi và chị N cũng đồng ý với mức cấp dưỡng mà anh S đưa ra như trên. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự và phù hợp với quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự đều không tranh chấp nên Toà án không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và anh S phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[6] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh N. Cho chị Trần Thị Thanh N được ly hôn anh Võ Văn S.

Về con chung: Tiếp tục giao hai cháu Võ Kim Q, sinh ngày 30/3/2000, Võ Phú T, sinh ngày 02/10/2002 cho chị N nuôi.

Ghi nhận việc anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 300.000đ/tháng/cháu (tức là 600.000đ/tháng/02 cháu). Thời gian thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Trần Thị Thanh N có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Võ Văn S chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 06985 ngày 07/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Anh Võ Văn S phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM

